

Bản án: 128/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 25-6-2020  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tài

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Đồi.
2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 70/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05/02/2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/5/2020 và Quyết Định hoãn phiên tòa số 72/2020/QĐ.DS ngày 12/6/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1979, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Đoàn Minh N, sinh năm 1974, (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã N, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**NỘI D VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 04/02/2019 và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc D trình bày tóm tắt như sau:*

Bà và ông N có tìm hiểu nhau sau đó tiến tới hôn nhân, được hai bên tổ chức lễ cưới hỏi năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 13/5/2009. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, bà và ông N ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đoàn Minh N.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Đoàn Thúy V, sinh ngày 21/01/2001, đã trưởng thành và Đoàn Thúy H, sinh ngày 03/6/2004, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Đoàn Thúy H, bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà D xác định, tài sản chung bà và ông N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông N không có nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Đoàn Minh N được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà D. Ông N cũng không đến Tòa để tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải. Đối với bà D, bà có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Đoàn Minh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc D và ông Đoàn Minh N cưới nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/5/2009 (số 59/2009) nên quan hệ hôn nhân của bà D và ông N được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Bà D cho rằng cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc là do ông N không quan tâm chăm sóc gia đình nên mới xin ly hôn. Ông N được tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án thể hiện việc bà D yêu cầu xin ly hôn với ông tại Tòa án nhưng ông N không có ý kiến, không thể hiện ý chí đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên Tòa bà D xác định không còn tình cảm với ông N và cương quyết ly hôn. Điều đó, chứng tỏ quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận theo đơn yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc D đối với ông Đoàn Minh N.

[3] Về quyền nuôi con chung: Khi ly hôn bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Đoàn Thúy H, sinh ngày 03/6/2004 và không yêu cầu ông Nguyễn cấp dưỡng nuôi con, đối với cháu Đoàn Thúy V đã trưởng thành.

Về việc nuôi con ông N không có ý kiến phản hồi về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con con, xét thấy bà D hiện đang nuôi cháu H khỏe mạnh và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

[4] Về tài sản chung: Bà D xác định bà và ông N không có tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông N không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung giữa các bên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung cũng như về cấp dưỡng nuôi con chung của bà D và ông N.

Trường hợp sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung cũng như quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc D về việc “xin ly hôn” đối với ông Đoàn Minh N.

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc D được ly hôn với ông Đoàn Minh N.

Về quyền nuôi con chung: Bà Trần Thị Ngọc D được quyền trực tiếp nuôi cháu Đoàn Thúy H, sinh ngày 03/6/2004. Ông Đoàn Minh N không cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004584, ngày 05/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND xã Mỹ Hạnh Nam
- Đường sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Văn Tài**